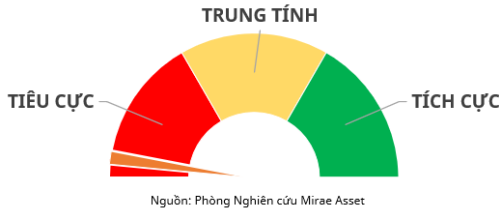


21 Tháng Sáu 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Thị trường quốc tế phục hồi nhưng VN-Index vẫn chìm trong sắc đỏ

Sau ngày thứ 2 bị bán tháo mạnh, tâm lý tiêu cực tiếp tục bao phủ thị trường khi nhà đầu tư bán mạnh ở vùng giá thấp trong hôm nay, khiến VN-Index rơi thêm gần 20 điểm khi mở cửa. Tuy nhiên nhờ lực cầu bắt đáy mạnh khiến chỉ số nhanh chóng phục hồi tốt ngay trong phiên, và thậm chí có lúc đã tăng gần 10 điểm. Thông tin thị trường chứng khoán các nước Châu Á đều tăng điểm tốt trong ngày tưởng như sẽ hỗ trợ tích cực cho VN-Index, tuy nhiên sắc xanh không được giữ vững khi lực bán quá mạnh trong phiên chiều đã đảo chiều thị trường và kéo chỉ số thêm một phiên giảm điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index mất thêm 7,9 điểm, tương ứng với 0,7% và đóng cửa tại 1.172 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.769 tỷ đồng, HNX: 1.597 tỷ đồng, UPCOM: 1.400 tỷ đồng.

Tuy chỉ mất 0,7% nhưng số mã giảm điểm lên tới 323, trong số đó số mã giảm sàn đến 68. Phiên giao dịch hôm nay, VN-Index được nâng đỡ bởi nhóm Ngân hàng khi đa số các Blue-chip nhóm này đều tăng khá tốt như STB (+1,9%), TPB (+2,4%), BID (+2,7%), CTG (+2,0%). Tương tự, nhóm Chứng khoán với HCM, SHS, VCI, SHS có phiên giao dịch khởi sắc sau một chuỗi những ngày giảm sâu. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường trong thời gian qua như Phân bón, Điện và Thủy sản đồng loạt nằm sàn trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư.

Khối ngoại hôm nay tiếp tục mua ròng hơn 400 tỷ đồng, nhiều nhất là VNM với 149 tỷ, tiếp theo là REE và GAS với giá trị lần lượt là 83 tỷ và 68 tỷ.

Tiếp tục là phiên giảm điểm, điểm số kỹ thuật của VN-Index đang nằm ở mức thấp nhất. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -7, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 12,8x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-6	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	-6	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,172.47	-0.67	-5.50	-14.58
HNX	264.62	-1.23	-13.81	-16.32
UPCOM	85.03	-0.48	-9.65	-5.21
MSCI EM	1,000.42	-0.42	-3.37	-25.92
NIKKEI	26,246.31	1.84	-1.84	-6.30
HANG SENG	21,559.59	1.87	4.07	-24.32
KOSPI	2,408.93	0.75	-8.73	-25.67
FTSE	7,163.72	0.59	-3.06	1.44
S&P 500	3,674.84	0.22	-5.81	-11.80
NASDAQ	10,798.35	1.43	-4.90	-23.04

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.75	1.96	15.59
SET INDEX	16.94	1.16	9.17
JCI INDEX	15.12	2.09	13.15
PCOMP INDEX	18.02	1.54	8.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.40	-3	2	132
10 năm	3.29	-1	15	111

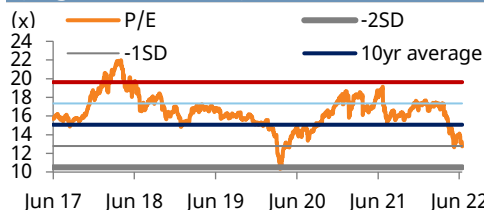
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,225	-0.03	-0.25	-0.90
US\$/KRW	1,294	-0.11	-2.26	-12.29
US\$/JPY	135	-0.20	-5.50	-18.52
US\$/EUR	0.95	-0.58	1.14	12.73
US\$/GBP	0.81	-0.47	2.28	13.22
US\$/SGD	1.38	0.29	-0.82	-3.01

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	601	608	946
HNX	65	75	125
UPCOM	57	49	72

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



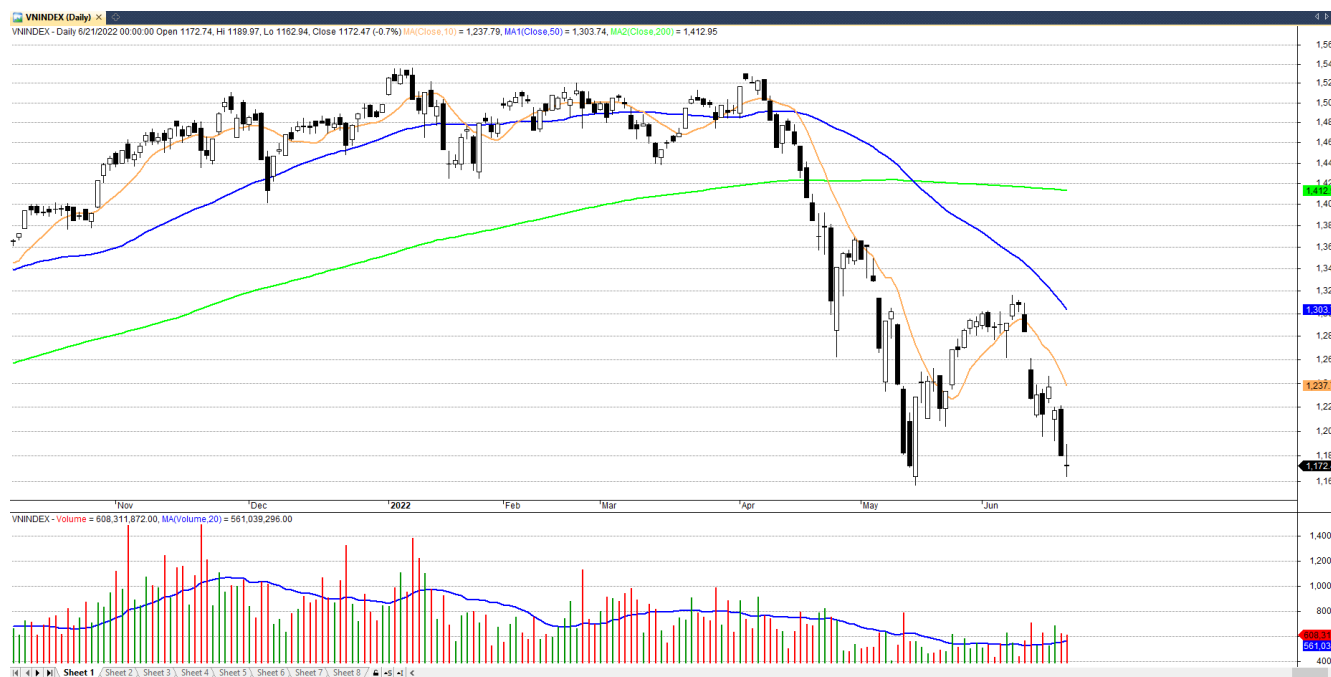
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-6	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (21/06/2022)	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.310
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.160
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

Giảm gần 20 điểm trong phiên và phục hồi 13 điểm trong ngày, VN-Index thêm 1 lần nữa kiểm định vùng đáy 1.160 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

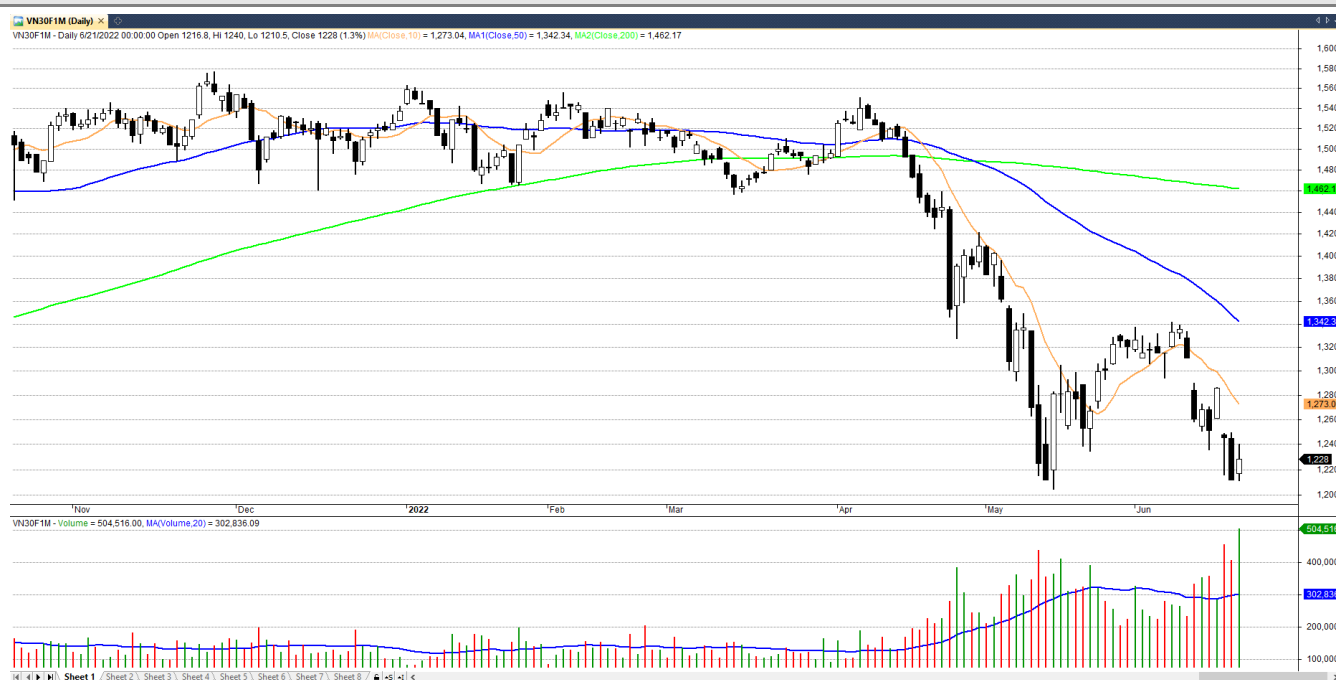
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/06/2022)	1.228	Kháng cự 1	1.330
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.224	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+3,5	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

VN30F1M gần như chỉ giao dịch trong vùng xanh, điểm kỹ thuật intra-day được cải thiện.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VNM	73.7	2,044,180	3	TRUNG TÍNH	180,058	19.0	6.0	151
TNG	30	3,760,375	2	TRUNG TÍNH	732	3.5	0.7	113
FRT	90.3	1,453,335	0	TRUNG TÍNH	1,690	8.2	1.3	131
ANV	57.4	2,195,790	0	TRUNG TÍNH	1,894	4.4	0.8	126
PDR	50.1	2,166,905	0	TRUNG TÍNH	8,831	9.9	2.1	109
VJC	127.8	700,935	0	TRUNG TÍNH	51,284	13.8	3.4	90
CSV	50.3	747,965	0	TRUNG TÍNH	875	3.7	0.9	38
DCM	36.8	7,276,840	-2	TRUNG TÍNH	4,140	18.8	0.7	268
MWG	73.5	2,251,355	-2	TRUNG TÍNH	33,373	8.4	2.5	165
IDI	23.15	4,660,280	-2	TRUNG TÍNH	783	4.6	0.3	108
HDG	51.9	2,042,195	-2	TRUNG TÍNH	2,699	3.0	1.0	106
HAG	7.7	10,277,385	-2	TRUNG TÍNH	3,478	31.5	0.3	79
GEG	23.3	2,362,990	-2	TRUNG TÍNH	3,609	15.4	1.6	55
VSC	46	998,730	-2	TRUNG TÍNH	1,532	6.1	0.9	46
CTR	64	675,870	-2	TRUNG TÍNH	2,586	14.3	2.9	43
DGC	116.6	2,167,430	-3	TRUNG TÍNH	5,226	7.5	1.4	253
REE	85.7	1,709,095	-3	TRUNG TÍNH	9,829	6.4	1.0	146
PC1	39.4	2,566,380	-3	TRUNG TÍNH	2,645	7.3	0.8	101
NT2	25.15	2,651,830	-3	TRUNG TÍNH	5,815	7.5	1.3	67
FPT	89.1	2,543,365	-4	TIÊU CỰC	34,257	10.5	2.3	227
VND	15.9	13,864,720	-4	TIÊU CỰC	2,335	6.6	0.7	220
GAS	119.5	1,684,225	-4	TIÊU CỰC	122,493	12.5	2.3	201
DXG	18.45	10,582,530	-4	TIÊU CỰC	4,555	5.3	0.7	195
PNJ	119.8	1,397,305	-4	TIÊU CỰC	11,729	11.3	2.5	167
VCI	30.7	4,823,110	-4	TIÊU CỰC	3,286	4.7	0.8	148
SHS	13.3	9,043,940	-4	TIÊU CỰC	1,948	4.8	0.7	120
MSN	111	1,038,515	-4	TIÊU CỰC	57,863	12.5	1.4	115
SHB	13	7,515,555	-4	TIÊU CỰC	17,904	6.1	0.8	98
HBC	16.5	5,531,535	-4	TIÊU CỰC	2,057	6.7	0.6	91
KDC	61.4	1,463,380	-4	TIÊU CỰC	6,046	107.3	1.1	90
VGC	50	1,700,340	-4	TIÊU CỰC	8,384	12.9	1.3	85

BVH	51.2	1,630,540	-4	TIÊU CỰC	30,101	31.0	1.6	83
VCB	77.7	930,310	-4	TIÊU CỰC	285,584	15.7	3.2	72
HCM	17.75	3,858,610	-4	TIÊU CỰC	4,897	10.0	1.1	68
MIG	24.9	2,193,625	-4	TIÊU CỰC	1,196	7.6	0.8	55
PET	37.05	1,141,090	-4	TIÊU CỰC	674	6.1	0.4	42
VGT	18.2	2,167,360	-4	TIÊU CỰC	3,500	7.9	0.6	39
SCR	8.25	4,471,110	-4	TIÊU CỰC	1,843	7.9	0.4	37
LCG	9.35	3,808,110	-4	TIÊU CỰC	756	5.1	0.5	36
BSR	28	20,627,540	-5	TIÊU CỰC	17,673	6.3	0.5	578
POW	13.95	22,467,524	-5	TIÊU CỰC	20,608	8.6	0.8	313
DPM	55.5	5,396,075	-5	TIÊU CỰC	5,205	8.4	0.6	299
VHC	94	2,376,775	-5	TIÊU CỰC	6,050	5.1	1.2	223
GMD	50.7	3,581,230	-5	TIÊU CỰC	5,152	11.0	0.9	182
HAH	73.5	2,449,900	-5	TIÊU CỰC	472	4.2	0.5	180
HSG	14.15	9,355,080	-5	TIÊU CỰC	4,319	6.8	0.7	132
VCG	17.65	3,532,420	-5	TIÊU CỰC	11,219	17.0	1.6	62
VIX	8.09	7,657,990	-5	TIÊU CỰC	1,035	10.2	0.7	62
GVR	21.7	2,060,955	-5	TIÊU CỰC	41,000	12.5	0.9	45
TCH	9.9	4,403,135	-5	TIÊU CỰC	6,800	10.3	1.5	44
KSB	23.95	1,740,100	-5	TIÊU CỰC	1,114	3.7	0.8	42
PVC	16.5	2,357,560	-5	TIÊU CỰC	228	10.9	0.3	39
FCN	11.9	2,802,045	-5	TIÊU CỰC	1,067	5.3	0.5	33
VPB	27.2	10,705,425	-6	TIÊU CỰC	48,146	4.8	1.0	291
STB	19.2	14,772,995	-6	TIÊU CỰC	18,307	7.5	0.7	284
NVL	75.5	2,778,905	-6	TIÊU CỰC	60,887	17.5	2.7	210
VHM	65	2,996,400	-6	TIÊU CỰC	233,227	9.1	3.7	195
TCB	33	5,075,665	-6	TIÊU CỰC	63,528	6.1	1.0	167
IDC	46.7	2,294,585	-6	TIÊU CỰC	5,640	16.4	1.6	107
HUT	23.5	4,353,850	-6	TIÊU CỰC	510	7.0	0.2	102
CTG	23.05	3,857,795	-6	TIÊU CỰC	77,074	8.2	1.0	89
DGW	121.1	727,480	-6	TIÊU CỰC	1,630	8.0	1.6	88
TPB	25.65	3,038,280	-6	TIÊU CỰC	15,923	4.7	1.1	78
LPB	11.9	6,054,815	-6	TIÊU CỰC	7,620	5.4	0.6	72
VPI	61	1,157,010	-6	TIÊU CỰC	6,616	13.1	2.7	71
ACB	23	3,001,780	-6	TIÊU CỰC	36,248	5.8	1.2	69
AAA	11	4,356,725	-6	TIÊU CỰC	2,334	6.2	0.6	48
SBT	14.85	2,560,410	-6	TIÊU CỰC	7,950	79.4	1.1	38
FLC	3.79	9,508,500	-6	TIÊU CỰC	1,945	#N/A N/A	0.2	36
KDH	38.65	889,000	-6	TIÊU CỰC	12,065	12.9	1.6	34
DPR	72.6	438,185	-6	TIÊU CỰC	1,517	10.3	0.8	32
HPG	20.8	24,611,160	-7	TIÊU CỰC	71,650	9.4	1.4	512
PVS	24.7	13,716,585	-7	TIÊU CỰC	5,162	8.7	0.4	339
SSI	18.3	17,915,030	-7	TIÊU CỰC	7,992	10.9	0.9	328
DIG	31.5	7,734,040	-7	TIÊU CỰC	3,772	9.8	1.0	244
GEX	17.2	11,889,345	-7	TIÊU CỰC	8,765	14.1	1.4	204
MBB	22.45	8,665,110	-7	TIÊU CỰC	37,015	4.5	0.9	195
PVD	17.3	10,140,085	-7	TIÊU CỰC	3,803	13.0	0.3	175
VIC	74.9	1,811,835	-7	TIÊU CỰC	287,507	40.6	3.6	136

NKG	15.65	7,963,965	-7	TIÊU CỰC	1,049	5.8	0.4	125
CEO	23.1	4,963,315	-7	TIÊU CỰC	1,673	3.3	0.6	115
NLG	34	2,674,910	-7	TIÊU CỰC	6,342	7.6	1.2	91
PVT	19.9	4,260,730	-7	TIÊU CỰC	2,513	4.2	0.6	85
ASM	14.9	5,656,895	-7	TIÊU CỰC	1,212	2.2	0.3	84
KBC	28.6	2,885,520	-7	TIÊU CỰC	5,966	6.8	0.6	83
BCG	13.3	6,068,175	-7	TIÊU CỰC	640	6.0	0.5	81
CII	14.9	4,806,025	-7	TIÊU CỰC	4,084	9.6	0.8	72
ITA	8.41	8,163,750	-7	TIÊU CỰC	3,772	19.1	0.4	69
VRE	28	2,354,215	-7	TIÊU CỰC	60,898	21.9	2.3	66
PLX	39	1,347,425	-7	TIÊU CỰC	50,946	53.6	2.7	53
HDB	23.6	2,124,655	-7	TIÊU CỰC	22,747	6.4	1.2	50
CMX	17.4	2,468,590	-7	TIÊU CỰC	357	13.4	1.1	43
PAN	19.4	2,212,170	-7	TIÊU CỰC	3,868	17.5	1.1	43
GIL	52.9	768,725	-7	TIÊU CỰC	680	2.6	0.5	41
HQC	3.63	11,033,910	-7	TIÊU CỰC	724	21.1	0.2	40
DBC	17.25	2,275,465	-7	TIÊU CỰC	4,803	4.8	1.3	39
SZC	40.25	875,400	-7	TIÊU CỰC	2,160	11.4	1.8	35
PHR	62	554,955	-7	TIÊU CỰC	6,646	8.3	2.2	34
HDC	29.75	1,121,065	-7	TIÊU CỰC	968	5.5	1.0	33
DPG	45.8	705,625	-7	TIÊU CỰC	870	4.8	1.0	32

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giám đốc đầu tư BlackRock: Fed đang làm điều đúng đắn

Giám đốc đầu tư thị trường thu nhập cố định toàn cầu thuộc tập đoàn đầu tư BlackRock - Rick Rieder cho rằng quyết định của Fed trong ngày 15/6 là chính xác. “Tôi nghĩ Fed đã đúng”, Rieder chia sẻ trong chuyên mục Yahoo Finance Live. “Khi nói về điều kiện thị trường ở thời điểm hiện tại, chúng ta vẫn đang ở trong một giai đoạn mà các chính sách tiền tệ tương đối ‘dễ chịu’”, ông bổ sung. “Tính tới cuối năm nay, chúng ta sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn trung lập”. Chủ tịch Fed Jerome Powell chia sẻ với các phóng viên tham dự cuộc họp báo ngay sau khi phiên họp của Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) kết thúc rằng cơ quan này “sẽ cố gắng không đẩy nền kinh tế vào suy thoái” dù dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ chậm lại và tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng lên trong các năm tới. Trong báo cáo gửi tới khách hàng, ông Rieder nhận định, sự bất ổn liên quan tới nguồn cung nhiều hàng hóa quan trọng, vốn diễn biến nghiêm trọng hơn sau khi cuộc xung đột Nga-Ukraine nổ ra, khiến mục tiêu kiểm soát lạm phát của Fed trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, triển vọng của Viện Đầu tư BlackRock đối với nền kinh tế số 1 thế giới trong năm 2022 cũng diễn biến xấu hơn. Tất cả những lo ngại trên buộc Fed phải quyết liệt hơn trong mỗi quyết định chính sách của mình, ông Rieder chia sẻ. “Chúng ta cần phải đạt được ngưỡng trung lập trước khi nghĩ tới những hướng đi mới”, ông Rieder giải thích. Và quá trình Fed tăng mạnh lãi suất trong cuộc họp vừa qua là cách để họ đạt được điều đó. “Cũng giống như lúc lái xe, bạn sẽ không muốn đạp thốc phanh”. Dù chậm chân trong cuộc chiến với lạm phát, họ đã và đang hành động, và tôi cho rằng họ đang làm điều đúng đắn”.

CII: ước lãi 53 tỷ đồng trong quý II, dự án Trung Lương – Mỹ Thuận dự kiến thu phí trong quý III

Công ty đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP HCM (HoSE: CII) công bố ước nửa đầu năm lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt khoảng 700 tỷ đồng, thực hiện 93% kế hoạch năm. Quý I, công ty ghi nhận 647 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ. Theo đó, quý II lợi nhuận ước đạt 53 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ năm trước. Công ty cho biết hoạt động thu phí giao thông đạt tổng doanh số khoảng 710 tỷ đồng nửa đầu năm, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Dự án cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đã hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng từ tháng 4 và dự kiến bắt đầu thu phí hoàn vốn trong quý III.

TNG: thực hiện 31% mục tiêu lợi nhuận sau 5 tháng

Đệt may TNG (HNX: TNG) công bố BCTC tháng 5 với doanh thu 667 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước. Biên lãi gộp cải thiện nhẹ từ 13,48% lên 15,67%. Chi phí tài chính tăng 52%, chi phí quản lý tăng 58%. Đồng thời, hoạt động khác lỗ 10 tỷ đồng. Do vậy, lợi nhuận sau thuế đạt 31 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 5 tháng, công ty ghi nhận 2.482 tỷ đồng doanh thu, tăng 42%; lãi sau thuế 87 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm

trước. Dệt may TNG thực hiện được 41,3% kế hoạch doanh thu và 31% mục tiêu lợi nhuận năm

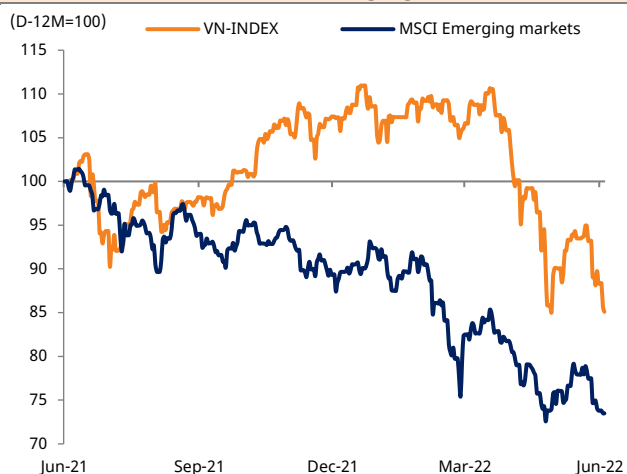
DGW: chốt quyền cổ tức và thưởng cổ phiếu, tổng tỷ lệ 90%

Digiworld (HoSE: DGW) thông báo ngày 4/7 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức năm ngoái và nhận cổ phiếu thưởng. Cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 10%, tương đương 1.000 đồng/cp. Với 90,6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Digiworld sẽ chi 90,6 tỷ đồng để thanh toán cổ tức vào ngày 29/7. Bên cạnh đó, doanh nghiệp sẽ phát hành gần 72,5 triệu cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 80% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021. Sau phát hành, vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến tăng từ 907,5 tỷ đồng lên 1.632 tỷ đồng.

PNJ: lãi tháng 5 tăng 66%

Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) công bố doanh thu thuần tháng 5 đạt 2.671 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 141 tỷ đồng, tăng 66%. Đơn vị cho biết kết quả này đến từ khả năng ứng biến và nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên trong bối cảnh sức mua chung của ngành bán lẻ sụt giảm. Lũy kế 5 tháng, doanh thu thuần đạt 15.583 tỷ đồng, tăng 47%; lãi sau thuế 1.066 tỷ đồng, tăng 47%. Công ty thực hiện được 60,3% kế hoạch doanh thu và 76,5% kế hoạch lợi nhuận năm. Biên lợi nhuận gộp trung bình tháng 5 đạt 18,2%, tương đương cùng kỳ năm trước; lũy kế 5 tháng giảm từ mức 18,4% xuống 17,8% do tăng trưởng trong doanh thu vàng miếng và thay đổi cơ cấu hàng hóa của kênh bán lẻ.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



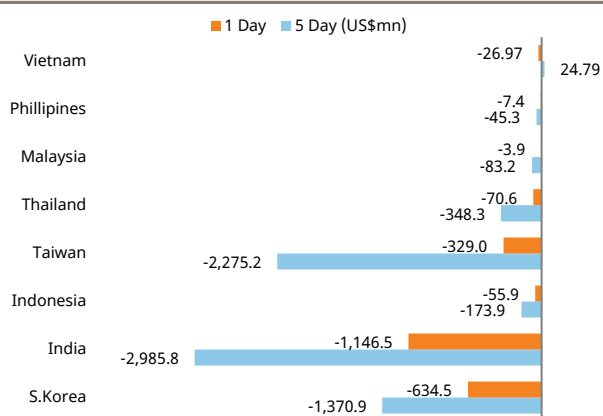
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



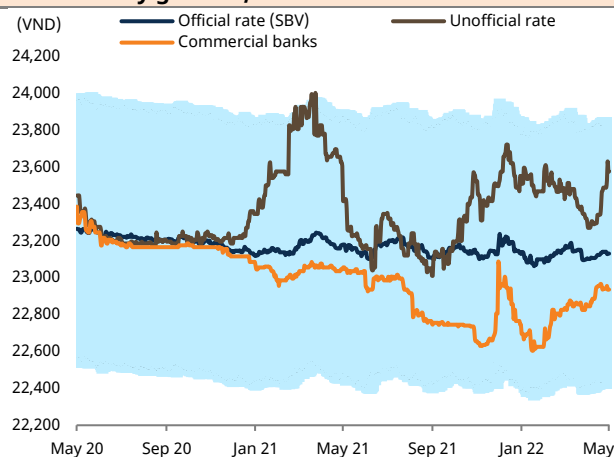
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



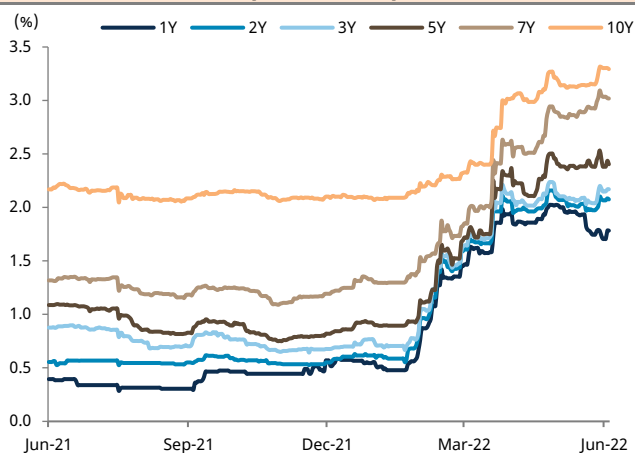
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



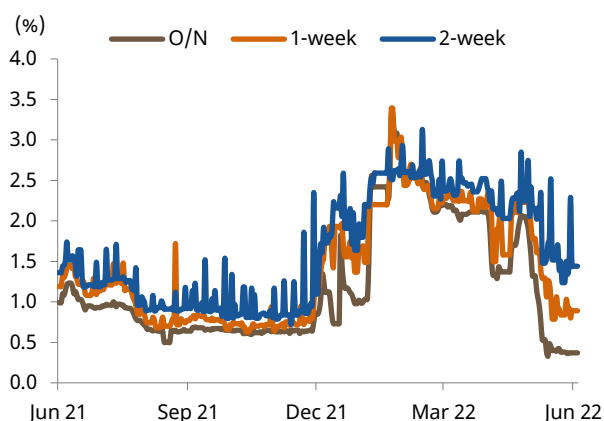
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,224.54	3,280,373		-0.1	-4.4	-4.5	-17.2	11.5	10.4	2.2	1.8	38.5	10.8	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,000	77,681	30.0	0.4	-4.6	-1.0	-17.3	8.2	7.4	1.7	1.4	24.6	11.5	23.5	24.9
BIDV	BID VN	30,300	153,273	16.9	2.7	-6.2	-12.2	-15.3	17.5	11.5	1.8	1.6	50.3	52.4	11.0	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	51,500	38,230	26.5	2.2	-1.7	2.6	-13.7	20.2	16.1	1.8	1.6	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	23,050	110,773	26.2	2.0	-6.7	-11.0	-40.9	7.9	5.3	1.2	1.0	18.2	47.6	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	89,100	97,746	49.0	-3.2	-3.2	9.7	24.9	24.6	18.4	5.4	4.7	21.5	33.4	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	119,500	228,717	2.9	-4.2	-6.6	14.4	28.5	27.4	17.7	4.5	4.0	8.1	54.6	16.8	22.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	21,700	86,800	0.5	-0.5	-7.7	-8.4	-37.1	20.9	17.8	1.8	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,600	47,488	17.0	-0.6	-5.4	-3.1	-12.3	7.8	6.4	1.6	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	20,800	120,948	21.2	-3.7	-12.8	-28.2	-47.2	3.8	4.1	1.3	1.0	151.5	-7.9	42.8	28.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,650	24,850	32.3	0.3	-1.2	-6.6	3.5	21.6	18.1	2.4	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	22,450	84,823	23.2	-0.2	-9.8	-16.9	-25.4	6.7	5.4	1.4	1.1	53.0	24.1	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	111,000	158,033	28.9	0.0	0.3	3.0	22.5	18.3	24.8	4.8	4.1	589.7	-26.2	35.1	18.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	73,500	107,583	49.0	-0.5	-7.0	9.7	51.2	21.3	16.8	5.1	5.1	18.2	26.7	27.3	28.1
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	75,500	147,208	6.2	0.0	-2.6	-3.0	-9.3	41.5	28.5	4.2	3.7	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	50,500	33,918	2.4	1.2	-0.6	-6.1	-23.9	18.8	#N/A	4.8	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	39,000	49,553	17.3	-0.6	-7.3	-3.7	-33.4	21.8	18.2	2.0	1.9	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	119,800	29,036	49.0	1.5	-1.6	13.0	22.1	28.5	19.4	4.5	3.4	-2.6	47.4	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,950	32,669	2.2	-7.0	-9.4	9.0	11.6	18.4	16.8	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	155,000	99,399	62.7	2.0	-0.9	-1.0	-8.8	28.2	22.5	4.7	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	18,300	18,168	34.6	-4.7	-17.4	-35.7	-43.5	7.1	7.4	1.3	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	19,200	36,196	20.8	1.9	-8.6	-11.1	-35.7	11.8	11.0	1.1	1.0	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	33,000	115,860	22.5	0.0	-8.5	-7.6	-34.5	6.4	5.4	1.3	1.0	46.1	20.0	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	25,650	40,572	29.8	2.4	-4.3	-18.3	-1.8	7.9	11.1	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	77,700	367,717	23.6	2.2	-1.8	3.2	-7.0	18.5	13.9	3.4	2.7	19.7	33.6	19.6	21.5
Vinhomes JSC	VHM VN	65,000	283,034	23.4	0.0	-1.5	-2.7	-24.6	7.2	8.8	2.3	1.8	40.9	-18.3	36.9	22.8
Vingroup JSC	VIC VN	75,000	286,045	12.4	-0.8	-2.1	-3.6	-28.1	#N/A	246.2	2.8	2.8	-145.6	144.5	-2.8	1.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	127,800	69,218	16.8	0.6	1.9	2.0	12.1	919.4	56.3	4.1	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	73,700	154,030	54.4	6.8	8.4	8.2	-18.7	16.3	16.8	4.7	4.5	-5.3	-2.9	29.3	28.0
VPBank	VPB VN	27,200	120,917	17.4	0.4	-6.2	-11.1	-26.4	10.3	5.9	1.5	1.2	11.6	73.2	17.9	21.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,000	63,625	31.1	-2.4	-4.1	2.4	-11.9	48.4	28.6	2.1	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	-7.93	4,682,867	-0.7	-5.2	-5.5	-14.6	35.2	17.5	13.6	11.5
Ô tô và phụ tùng	-0.06	8,606	-2.4	-4.4	-3.4	11.0	-0.3	32.4	14.3	10.8
Ngân hàng	3.23	1,388,975	1.0	-5.1	-6.8	-18.2	32.1	28.8	10.0	7.8
Xây dựng cơ bản	-2.46	209,675	-4.1	-11.3	-8.4	17.1	19.9	31.3	12.1	9.2
Dịch vụ thương mại	0.01	5,291	0.5	-4.3	-0.4	14.8	-5.1	33.5	15.7	11.8
May mặc và trang sức	-0.04	51,762	-0.1	-4.2	3.8	12.2	11.7	61.0	16.9	10.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	7,065	-1.7	-3.5	-4.0	-3.5	1798.5	165.3	72.1	27.2
Dịch vụ tài chính	0.00	87,663	0.2	-11.4	-29.1	-22.5	143.8	10.5	5.8	5.2
Dầu khí	-0.29	68,116	-1.5	-8.5	-4.5	-25.7	83.2	9.1	19.9	18.2
Thực phẩm, đồ uống	2.57	527,423	2.0	1.4	4.0	6.0	28.6	14.5	19.8	17.3
Y tế	-0.03	2,931	-3.7	-6.3	-3.2	53.9	65.3	13.9	21.2	18.7
Bảo hiểm	0.19	51,624	1.5	-2.8	2.7	-2.4	28.2	-2.5	17.0	17.5
Nguyên vật liệu	-3.39	368,566	-3.0	-10.3	-12.0	-0.1	118.0	-3.5	5.9	6.1
Dược phẩm	-0.14	28,387	-1.9	-4.0	-4.7	-4.2	7.4	5.1	15.3	14.6
Bất động sản	-2.02	1,045,012	-0.7	-3.3	-5.6	-15.7	8.0	10.2	19.0	17.2
Bán lẻ	-0.38	126,035	-1.2	-6.5	10.0	83.0	33.8	24.1	11.8	9.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.85	104,451	-3.0	-3.4	8.3	27.7	22.6	23.3	21.0	17.0
Vận tải	-0.31	177,850	-0.6	-3.1	-4.4	13.4	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	-4.07	364,566	-4.1	-6.2	11.1	26.1	10.1	16.8	20.5	17.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	73,700	6.8	4,839,300	2.6
VCB VN	77,700	2.2	937,100	2.1
BID VN	30,300	2.7	1,403,700	1.1
CTG VN	23,050	2.0	4,588,400	0.6
SAB VN	155,000	2.0	182,900	0.5
TPB VN	25,650	2.4	3,071,400	0.2
BVH VN	51,500	2.2	1,282,400	0.2
HVN VN	14,950	2.4	1,305,700	0.2
STB VN	19,200	1.9	10,840,400	0.2
VCI VN	30,700	6.6	5,969,200	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	119,500	-4.2	2,345,500	-2.6
HPG VN	20,800	-3.7	39,935,100	-1.2
FPT VN	89,100	-3.2	2,460,200	-0.8
DGC VN	116,600	-6.7	2,803,300	-0.8
VIB VN	18,000	-6.7	3,064,200	-0.7
POW VN	13,950	-7.0	32,210,000	-0.6
VIC VN	75,000	-0.8	1,956,200	-0.6
REE VN	85,700	-6.9	3,333,600	-0.6
DPM VN	55,500	-6.9	4,318,800	-0.4
VRE VN	28,000	-2.4	2,572,900	-0.4

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.